

Kh. a h̃ c :	L. p h̃ c : 35CCĐ7	Nh̃ m h̃ c : 2013-2014	q VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H̃ q T :	H̃ c ph̃ n : 131017201205 - An tõn lao L̃ ng ṽ M̃ i tr̃ Ò ng	H̃ c k8 : HK01	

STT	Mã S	L P SV	H Vê TqN	NGÀY SINH	q IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	q IqM THI	QUY TS : 70%	q IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571011503	35CCĐ7	q Quang An	26/06/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
2	3571011507	35CCĐ7	Nguy n Vln Bĩ	15/09/1993				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
3	3571011622	35CCĐ7	Nguy n Mũnh Công	05/11/1993				6.0			6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
4	3571011651	35CCĐ7	Nguy n Th nh Cng	20/07/1993				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	N HP
5	3571011629	35CCĐ7	Nguy n Ng c Duy	30/04/1993				8.0			8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
6	3571011662	35CCĐ7	q Hg Ti/h q Ỗ	11/05/1993				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
7	3571011614	35CCĐ7	Lê Phúc q Ỗ	13/09/1993				8.0			8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
8	3571011561	35CCĐ7	Phan Tĩ q Ỗ	04/05/1993				8.0			8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
9	3571011711	35CCĐ7	Dng Hqĩ q Eng	07/10/1993				8.0			8.0	2.4	2.5	1.8	4.2	
10	3571011546	35CCĐ7	Nguy n Thanh q Qn	01/04/1993				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
11	3571011729	35CCĐ7	Phan Ti/h q í p	07/04/1989				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
12	3571011468	35CCĐ7	Phũm Vln Hà	20/12/1993				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
13	3571011627	35CCĐ7	Trng Ho ng Hqĩ	02/05/1993				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
14	3571011762	35CCĐ7	Hà Anh Hoàng	01/01/1993				7.0			7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
15	3571011514	35CCĐ7	Nguy n q nh Hòa	06/01/1993				6.0			6.0	1.8	2.8	2.0	3.8	
16	3571011516	35CCĐ7	Nguy n Xu q Huy	19/05/1993				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
17	3571011642	35CCĐ7	Trũh Minh Huy	16/06/1993				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
18	3571011824	35CCĐ7	Trũh Vqnh Huy	12/09/1993				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
19	3571011512	35CCĐ7	Nguy n Thanh Hùng	01/02/1993				8.0			8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN - MÔN THIÊN NH PHÂN

Khóa học :
Hạng T :

Lớp học : 35CCĐ7
Họ và Tên : 131017201205 - An toàn lao động - Mã
trường

Năm học : 2013-2014
Hạng K8 : HK01

Hạng VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

STT	Mã S	L. P SV	H. Về T. N	NGÀY SINH	ĐIỂM THIÊN NH PHÂN						TBC	QUY TSP: 30%	ĐIỂM THI	QUY TS : 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571011681	35CCĐ7	Nguyễn Thị Hằng	24/06/1992				8.0			8.0	2.4	4.3	3.0	5.4	
21	3571011497	35CCĐ7	Nguyễn Văn Nga	05/01/1993				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
22	3571011560	35CCĐ7	Nguyễn Trung Ngân	10/01/1993				8.0			8.0	2.4	1.8	1.3	3.7	
23	3571011721	35CCĐ7	Nguyễn Ngọc	20/05/1993				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
24	3571011465	35CCĐ7	Nguyễn Hoàng Anh Ngọc	10/06/1993				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
25	3571011712	35CCĐ7	Lê Phước Nhân	04/09/1993				6.0			6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
26	3571011522	35CCĐ7	Nguyễn Huân Nhân	17/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Nº HP
27	3571011471	35CCĐ7	Trần Quang Nhật	04/07/1993				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
28	3571011677	35CCĐ7	Huân Ngọc Phát	02/09/1993				6.0			6.0	1.8	3.5	2.5	4.3	
29	3571011717	35CCĐ7	Nguyễn Hữu Phụng	20/05/1993				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
30	3571011807	35CCĐ7	Nguyễn Ngọc Sơn	25/03/1993				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
31	3571011511	35CCĐ7	Trần Hoàng Sơn	30/10/1993				6.0			6.0	1.8	1.5	1.1	2.9	Nº HP
32	3571011499	35CCĐ7	Nguyễn Anh Tài	26/02/1991				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
33	3571011601	35CCĐ7	Nguyễn Ngọc Tài	30/04/1992				8.0			8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
34	3571011491	35CCĐ7	Phạm Nhật Tân	20/04/1993				7.0			7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
35	3571011607	35CCĐ7	Hoàng Lê Minh Tín	24/07/1993				6.0			6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
36	3571011812	35CCĐ7	Nguyễn Trần Tín	30/12/1993				6.0			6.0	1.8	3.8	2.7	4.5	
37	3571011529	35CCĐ7	Vũ Phạm Tuấn	02/01/1990				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	Nº HP
38	3571011770	35CCĐ7	Phí Quang Tuấn	21/02/1993				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	

Kh. a ḥ c :	L. p ḥ c : 35CCĐ7	Nḷm ḥ c : 2013-2014	ṇ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
Ḥ ṇ T :	Ḥ c pḥn : 131017201205 - An tọn lao Ḷ ng ṿ Ṃ i tṛ ã ng	Ḥ c k8 : HK01	

STT	Mã S´	L, P SV	Hĩ Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHôN						TBC	QUY TS: 30%	η IqM THI	QUY TS : 70%	η IqM TK	GHI CHÚ	
					L1	L2	L3	L4	L5	L6							
39	3571011840	35CCĐ7	Nguy, n Hu8nh	Tùng	14/02/1992				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
40	3571011657	35CCĐ7	η ˆo Ng` c	Tú	16/06/1993				7.0			7.0	2.1	3.5	2.5	4.6	
41	3571011639	35CCĐ7	η inh VEn	Thân	07/08/1992				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
42	3571011650	35CCĐ7	B½ Qu´ c	Thi	16/08/1993				8.0			8.0	2.4	5.0	3.5	5.9	
43	3571011744	35CCĐ7	Lê Thanh	TriQ	20/07/1993				8.0			8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	
44	3571011638	35CCĐ7	η Hg Th" nh	Trung	30/12/1993				8.0			8.0	2.4	4.5	3.2	5.6	
45	3571011686	35CCĐ7	Lý Quang	Trung	15/06/1993				7.0			7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	
46	3571011600	35CCĐ7	Lũ VEn	Viên	10/02/1993				5.0			5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N' HP
47	3571011616	35CCĐ7	η inh Qu´ c	VChng	02/09/1992				7.0			7.0	2.1	2.5	1.8	3.9	
48	3571011758	35CCĐ7	L° η ³nh	VChng	12/08/1993				6.0			6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
49	3571011481	35CCĐ7	ChQu Tri' u	V:	21/03/1993				6.0			6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
50	3571011825	35CCĐ7	Tr' nh Ho" i	V:	02/02/1992				8.0			8.0	2.4	6.0	4.2	6.6	N' HP

Tr.HCM, ngày / /

Gişo Vi^on B, M¹ n

Giáo V Khoa